

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2020/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông **Trần Ngọc C**, sinh năm 19XX.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số A, đường số A1, khu dân cư A2, đường A3, khóm A4, phường A5, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã B1, huyện B2, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Trương Thị Hồng Q**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số A, đường số A1, khu dân cư A2, đường A3, khóm A4, phường A5, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D1, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2011. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên ông C và bà Q yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, ông C và bà Q đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị

Hồng Q.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q có hai người con chung tên Trần Bảo N (nữ), sinh ngày 18/11/20XX và Trần Bảo Ng (nữ), sinh ngày 21/9/20XX. Sau khi ly hôn, ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q thống nhất: Giao hai người con chung tên Trần Bảo N (nữ), sinh ngày 18/11/20XX và Trần Bảo Ng (nữ), sinh ngày 21/9/20XX cho bà Trương Thị Hồng Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N và cháu Ng đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q thống nhất ông Trần Ngọc C cấp dưỡng cho cháu N và cháu Ng mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N và cháu Ng đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q đều thống nhất thỏa thuận: Giao hai người con chung tên Trần Bảo N (nữ), sinh ngày 18/11/20XX và Trần Bảo Ng (nữ), sinh ngày 21/9/20XX cho bà Trương Thị Hồng Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q thống nhất ông Trần Ngọc C cấp dưỡng cho cháu N và cháu Ng mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu N và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Ông Trần Ngọc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q đều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc C và bà Trương Thị Hồng Q mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông C và bà Q đã nộp theo các biên lai thu số 0001925 và 0001926 cùng ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông C và bà Q đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND xã D, huyện D1, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan